

## **PHẦN MƯỜI HAI**

### **NỘI TRỊ**

#### **ĐỆP PHẢI PHẢN ĐỘNG**

Đối với nhà Lê, sau khi đã bại vong, vua Thanh Kiên Long cũng như vua Quang Trung, không muốn có chuyện khơi gợi đến nữa.

Khi cho bọn Nguyễn Đình Bài 38 người (đám theo vua Lê Chiêu Thống) cùng với 43 người trong gia quyến họ về nước, vua Thanh phải dặn Phúc Khang An nói với Quốc Vương (chỉ vua Quang Trung) biết trước rằng họ về đến nước Nam thì Quốc Vương cứ quản thúc. Về phần họ, chắc họ phải yên phận, giữ phép không dám gây sự khuấy rối gì đâu. Nhưng nếu họ có mật đem thư tín Lê Duy Kỳ (Chiêu Thống) về nước để phiến hoặc lòng người thì Quốc Vương cứ việc trừng trị, không cần phải e dè kiêng nể vì có bọn họ đã do “Thiên triều” cho về.

Nhưng âm mưu phù Lê kia không phải do bọn ở ngoài về mà lại chính bởi Hoàng Ba Lê Duy Chi (em vua Lê Chiêu Thống), người vẫn lẫn khuất ở trong nước.

Duy Chi thấy cuộc Việt, Thanh giao thiệp đã mười phần xong xuôi, không thể còn gửi hi vọng vào anh là Chiêu Thống nữa, bèn lén đến Châu Bảo Lạc thuộc trấn Tuyên Quang, nương tựa viên thổ tù tên là Khoan Triều, rồi chiêu hiền mãi mãi, có chí khôi phục nhà Lê. Lúc ló ra, lúc im bật, tung tích bất thường. Duy Chi hoạt động một vùng biên thùy; Tây Sơn nhiều lần phái quân đi tiêu mà chưa dẹp yên được. Từ đó, Duy Chi lẫn khuất ở trong rừng núi, người ta không biết đích xác ở đâu.

Khi hay tin Duy Chi lại vùng vẫy ở Bảo Lạc, tràn lan đến cả những vùng Mục Mã, Thái Nguyên, quan lưu thủ thành Thăng Long liền cất Phan Văn Chuần đem binh đi dẹp <sup>(1)</sup>.

Sau lại dựa vào lực lượng bọn thổ tù Nùng Phúc Tấn và Hoàng Văn Đồng, Duy Chi chiếm giữ Tuyên Quang, Cao Bằng làm chỗ đứng chân, rồi liên kết với các xứ Vạn Tượng, Trấn Ninh, Trịnh Cao và Qui Hợp, mưu đánh phá Nghệ An trước.

Năm Canh Tuất (1770), vua Quang Trung sai đại tổng quản Trần <sup>(2)</sup> Quang Diệu và đô đốc Nguyễn Văn Uyển đem 5000 tinh binh do thương đạo trấn Nghệ An đi đánh dẹp, bắt ngay được hai cừ khôi xứ Trấn Ninh là Thiệu Kiêu, Thiệu Đế (tháng 6 năm Canh Tuất); diệt được hai Trịnh Cao, Qui Hợp (tháng 8, năm ấy), đánh được xứ Vạn Tượng khiến cho Quốc trưởng xứ ấy phải bỏ thành chạy dài, bỏ voi, bỏ ngựa, chiêng, trống cho quân ta chiếm lấy. Luôn dịp quân ta đuổi riết đến xứ Tiêm La (nay là Thái Lan); chém được chủ súy xứ Vạn Tượng là Tả Phan Dung và Hữu Phan Siêu (tháng 10, năm ấy).

Đánh tan đám ngoại ứng rồi, Nghệ An Đốc trấn Trần Quang Diệu quay về Bảo Lạc.

Địa thế Bảo Lạc rất hiểm, ba mặt đều là núi đá bích lập, chỉ hở một mặt phía bắc có thể thông sang nhà Thanh.

---

<sup>1</sup> Theo bức thư “Thanh báo bộ tể Duy Chi sự thế” trong Bang giao hảo hoại (Ngô Gia văn phái)

<sup>2</sup> Có sách chép là....

Bấy giờ nhờ có quận Diễn, thiên thần của nhà Lê cũ, coi giữ cửa ải Tụ Long, làm hướng đạo cho Tây Sơn đưa đường đi đánh hoàng Ba Lê Duy Chi ở Bảo Lạc<sup>(1)</sup>.

Các tướng Tây Sơn, với một số binh tinh nhuệ, do cửa ải Tụ Long sang qua đất nhà Thanh đi ba ngày, sấn vào thành Bảo Lạc, bắt sống Hoàng Ba với Phúc Tấn và Văn Đồng, giải về Tụ Long rồi sai đóng cũi đưa về Thăng Long và dâng thư vào Phú Xuân báo tiếp.

Vua Quang Trung vì nể có Ngọc Hân công chúa, nên nói thác lên rằng cứ giam Hoàng Ba đấy, không được giết. Nhưng kỳ thực, ngầm chở đi trầm hà (1790).

Để khoe với Mãn Thanh cái võ công hiển hách ấy, vua Quang Trung sai bày tôi là Vũ Vĩnh Thành và Trần Ngọc Thị sang Thanh báo tin thắng trận.

### **Đổi phó với đám thân sĩ cố Lê**

Nhân dân Bắc Hà, nhất là trong đám thân sĩ bấy giờ, còn in sâu trong óc những ân đức và công nghiệp của vua Lê Thái Tổ (1428-1433) nên dẫu thấy Chiêu Thống bắt lực đến đâu, họ cũng hết sức giúp cho cái triều đại mà họ xưa nay vẫn quyên luyện quý mến ấy.

Lòng ái đời đó, sĩ phu Bắc Hà đã từng tỏ rõ trong bao phen nhà Lê gặp biến cố.

---

<sup>1</sup> Sách *Lê Ký* (dã sử) chép việc đi đánh Bảo Lạc này là do Khang công Quang Thùy (con thứ hai vua Quang Trung) sai Điều Bát Lợi đem 6 vạn tinh binh, theo tay chỉ điểm của quận Diễn đi đánh Hoàng Ba. Sau khi thành công Điều Bát Lợi đang uống rượu ăn mừng, bỗng sai chu di cả họ quận Diễn; chém hết 113 người kể cả trai, gái, lớn, bé, già, trẻ. Sau Điều Bát Lợi được thăng làm đại tuần kiểm.

Hồi Mạc Đăng Dung (1527 – 1529) tiếm ngôi, những nhân vật như Nguyễn Thái Bạt, Đàm Thân Huy đã tỏ lòng trung với quốc gia bằng bao cái chết rất can đảm, rất cảm động. Nhờ sĩ khí và nhân tâm ấy, họ Trịnh mới dễ diệt Mạc dưới cái danh nghĩa phù Lê. Sau khi khôi phục Thăng Long (Lê Thế Tông, năm Quang Trung thứ mười sáu, 1593), nhà Trịnh tuy nắm hết quyền chính, chỉ để cho nhà Lê cái ngai hờ và chút danh suông, mà vẫn không dám ngang nhiên lột lấy chiếc hoàng bào và cái mũ miện kia, cũng chỉ vì kiêng nể cái sĩ khí đó, không muốn đi theo vết xe đổ của nhà Mạc xưa.

Đến Bắc Bình Vương ra Bắc lần thứ nhất, cũng vì vịn vào đại nghĩa phù Lê, nên mới thành công dễ dàng trong việc diệt Trịnh.

Nay vua Quang Trung tuy có công đánh đuổi Tôn Sĩ Nghị quét sạch 20 vạn quân Thanh nhưng đám thân sĩ Bắc Hà, bấy giờ phản động chỉ biết trung với cá thể một triều đại, chưa có nhận thức rõ rệt về quan niệm quốc gia, không khởi nảy ra những việc phản động một khi thấy vua Quang Trung đo cái đà chiến thắng Mãn Thanh, bước lên địa vị chủ nhân ông suốt cả Bắc Hà, theo ý nghĩ họ, là địa bàn thuộc quyền sở hữu riêng của nhà Lê. Vì thế, từ đám thân sĩ đương thời, mới phát sinh ra những cuộc đê kháng trong lúc thay triều đổi họ.

1. *Việc Trần Quang Châu* – năm Quang Trung thứ nhất (1788), Trần Quang Châu, người huyện Gia Bình (Bắc Ninh), đứng lên xưng suốt hương binh, chống với quân Tây Sơn ở sông Thiên Đức (1). Năm Mậu Thân (1788), quân Thanh kéo sang nước ta, vua Lê Chiêu Thống cho Châu đem quân đi hộ giá, làm tiên phong đại tướng quân, hướng dẫn quân Thanh trong khi họ mượn danh nghĩa cứu Lê để thực hành ý muốn thôn tính nước Việt. Nhưng qua năm Kỷ Dậu (1789), quân Thanh thua, vua Lê chạy. Châu quay về vùng các huyện, âm mưu với bọn Trần Danh Ân, Dương Định Tuấn và Lê Trọng

Vĩ, chống lại tân triều bằng những cuộc võ trang bạo động. Rồi, trong vòng 3, 4 năm, tư khấu Vũ Văn Dũng nhà Tây Sơn thường phải cầm quân đi đánh dẹp. Kết quả, anh và cháu của Châu đều tử trận cả. Qua năm Nhâm Tý (1792), Tây Sơn mới bắt được Châu rồi giết chết vì Châu không chịu khuất phục.

2. *Việc Dương Đình Tuấn* - Người huyện Yên Thế (Bắc Giang), Tuấn đem hai con, một cháu và người nhà chống lại Tây Sơn để bảo vệ cho vua Chiêu Thống, khi vua này chạy đến huyện Nhân Mục (1788), Tây Sơn tiến đánh, Tuấn bị thương, con cháu và gia thuộc bảy người của Tuấn đều chết trận. Năm Mậu Thân (1788), Tuấn bắt nhiều dân phu hàng huyện lên đón quân Thanh tận cửa Nam Quan. Năm Kỷ Dậu (1789), Tuấn lại hoạt động sau khi tiễn đưa Chiêu Thống đến cửa ải Nam Quan. Tây Sơn bèn đuổi quân Tuấn đến tận huyện hạt Yên Thế, lại bỏ luôn ba đồn đóng chẹn, đốt cả nhà và làng Tuấn; rồi dồn Tuấn vào rừng. Chẳng bao lâu Tuấn chết.

3. *Việc Nguyễn Phú* - Nguyễn Phú, người Gia Lâm (Bắc Ninh), từ năm Đinh Vị (1787), tụ họp thủ hạ, chống lại Tây Sơn ở xã Tiểu Lâm nhưng bị Tây Sơn đánh tan và giết chết.

4. *Việc anh em cha con Phạm Đình Đạt* – Có thể nói nhà Phạm Đình Đạt ở Vũ Giang (Bắc Ninh) là một nhà bài Tây Sơn. Em hai của Đạt là tạo sĩ Phạm Đình Phan, em ba là tiến sĩ Phạm Đình Dữ và con trưởng là Phạm Duật đều vào trong ngàn Treo Đanh (núi Huyền Đinh), mưu việc khôi phục nhà Lê, lật đổ Tây Sơn. Năm Kỷ Dậu (1789), sau khi Lê Chiêu Thống chạy sang nhà Thanh, Phan còn họp tập dân đình, hoạt động ở miền Lạng Giang. Nhưng rồi thất bại dồn dập, Phan phần uất, phải uống thuốc độc mà chết. Còn Phạm Đình Chấn, em tư của Đạt là Đình Cù, Đình Đình cũng đều bị bắt và bị giết trong một ngày, vì đã tham dự vào cuộc khởi binh chống lại tân triều.

## **DÙNG NHÂN TÀI**

Nguyễn Huệ rất sáng suốt trong việc liên tài và dùng người. Trừ ra khi nào có ai cương cường không chịu hàng phục, Huệ thấy để người ấy lại sẽ có hại cho mình về sau thì thế tất phải tính. Một ví dụ: Năm Giáp Ngọ (1774), tham tán Nguyễn Đăng Trường bên Nguyễn theo chúa Duệ Tông không kịp, dắt mẹ vào lánh tại thành Qui Nhơn. Bắt được Đăng Trường, Nguyễn Huệ vì yêu tài lấy lễ tân sư (vừa là bạn, vừa là thầy) mà đối đãi, song Đăng Trường không chịu, từ tạ xin đi.

Huệ nói: “Tiên sinh đi chuyên này, phỏng xoay lại trời đất được không? Sau có ăn năn, e muộn quách rồi!”

Đăng Trường nói: “Tài trai ở đời, lấy trung hiếu làm đầu. Tôi nay dắt mẹ, tìm chúa, đối với đại nghĩa rất là quang minh. Còn cùng hay không, được hay hỏng là số mệnh chứ còn ăn năn gì?”

Huệ khen là khảng khái, rồi để cho đi.

Đến năm Đinh Dậu (1777) lại bắt được Đăng Trường. Nguyễn Huệ hỏi: “Lần này, tiên sinh tính sao? Đăng Trường đáp: “Bây giờ chỉ có chết thôi, can chi phải hỏi nữa!” Dụ hàng không được. Sau, Huệ bắt đắc dĩ phải sai giết đi (Quốc triều sử toát yếu, tiền biên, quyển I, tờ 36b-37a).

Khi ra Bắc, vua Quang Trung để ý ngay đến việc thu dùng nhân tài, nên những nhân vật xuất sắc như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích đều được trọng dụng cả. Đáp ơn tri ngộ mấy ông này đã đem văn chương tô điều cho tổ quốc, chiến thắng Mãn Thanh về mặt ngoại giao.

Nhà vua lại rất cưng chiều và tin dùng Vũ Huy Tấn<sup>(1)</sup> thị trung đãi chiếu, nên Tấn đã đem tấm thân hăng hái dâng cả lên bàn thờ quốc gia. Chính Tấn

---

<sup>1</sup> Người làng Mộ Trạch (Trâm) tổng Tuyên cử, huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương. Huy Tấn có tập thơ nhan đề là *Hoa Trinh tùy bộ*, thi tập.

bảy lần gõ cửa Nam Quan (vi thần thất độ khẩu Nam Quan), vận động giảng hòa với Mãn Thanh.

Đối với những phái chịu ra, vua Quang Trung không câu nệ họ là người cũ hay mới, có khoa danh hay không, thầy đều dung nạp và thu dùng, miễn họ có chân tài và thực tâm gánh vác việc nước.

Còn đối với những phái thích ẩn độn, ngài chẳng những không ép buộc, bức bách mà lại không đoạt chí của họ nữa.

Chúng có đó thấy rõ trong việc ngài xử với Trương Quán <sup>(1)</sup> và Nguyễn Thiệp <sup>(2)</sup>:

Trương Quán là con cháu công thần nhà Lê, Tây Sơn muốn thu dùng, song Quán không chịu; thế mà các nhà cầm quyền bấy giờ cũng để cho Quán được tự do vui thú giang hồ, bạn cùng cỏ hoa mây khói, suốt đời ôm chủ

---

<sup>1</sup> Trương Quán khi còn nhỏ, làm bài thơ *Vịnh hòn núi Voi*, có câu:

*“Trời sinh ra đó, không ai quản  
Đất mọc lên đây, có đá rêu” (?)*

<sup>2</sup> Nguyễn Thiệp đỗ hương cống và ngồi tri huyện Thanh Chương (Nghệ An) hồi cuối Lê. Sau khi Lê mất, Thiệp về ẩn ở núi Nam Hoa bên Lục Niên Thành, huyện La Sơn (nay thuộc tỉnh Nghệ An). Sau vua Cảnh Thịnh (1793-1802) lại sai trấn quan mang sính lễ đến cố đón Thiệp ra, Thiệp không nhận các đồ lễ sính nhưng cũng theo sứ giả vào châu.

Khi Thiệp đến nơi, vừa gặp có quốc tang Thái Tổ Võ hoàng đế (miếu hiệu vua Quang Trung), Thiệp suýt bị chém đầu vì có không thay y phục mà cứ vào triều. May Vua Cảnh Thịnh gạt đi, không cho chém nên Thiệp mới thoát. Vua Cảnh Thịnh hỏi ông về việc nước. Ông nói: Đại thế đã hỏng mất rồi, không thể gỡ được nữa. Rồi ông từ về nhưng không được nên phải lưu lại ở Phú Xuân. Tác phẩm ông có *La Sơn tiên sinh thi tập*, *Hạnh am ký* và các thứ biểu dâng vua Quang Trung. Ông tên tự là Khải Chuyên, tên hiệu là Nguyệt Úc, biệt hiệu là Hạnh Am, thường được người đời kêu là Lục Niên tiên sinh hoặc La Sơn phu tử (Đại Nam nhất thống chí, Nghệ An tỉnh, mục Nhân vật, tờ 59).

nghĩa độc thân.

Như trước đã nói, Nguyễn Thiệp nhiều lần từ chối, không chịu ra làm quan vậy mà vua Quang Trung vẫn nhìn Thiệp bằng con mắt biệt đãi, không hề tức giận, mặc dầu mời mãi không ra, cho gì không lấy. Trước thanh phong cao tiết của nhà danh sĩ ấy, nhà vua vẫn một niềm tôn kính như thầy.

Coi mấy việc trên, đủ thấy vua Quang Trung có tài biết rõ người và có độ lượng dung được người.

Vả, ơn tri ngộ của ngài thấm sâu vào xương tủy nhiều thân thần, nên về sau, khi Ngài mất, để lại biết bao niềm thương nỗi tiếc cho người đương thời. Chẳng thế, Phan Huy Ích đã viết mấy câu cảm hoài khi gặp Quốc tang<sup>(1)</sup> (thu Nhâm Tí, 1972):

*“Tao tế cơ duyên nan tái đắc,*

*Tòng kim cơ lý nhận thân cô!”*

Dịch:

*“Duyên may gặp gỡ còn đâu nữa  
Nhờ đâu từ đây, chiếc nhận cô”.*

## **CHÍNH TRỊ**

---

<sup>1</sup> *Dự am ngâm lục* (sách viết trường Bác cổ số A 603), quyển 3, tờ 6.

Sau khi từ Phú Xuân (Huế) lên ngôi hoàng đế, vua Quang Trung phải cỡi ngay voi, hươi ngay kiếm đánh đuổi giặc ngoại xâm để giữ lấy chủ quyền và lãnh thổ. Kế đó, mặt Bắc phải giao thiệp với Mãn Thanh; mặt Nam phải đối phó với Cựu Nguyễn, nên trong năm năm trị vì (1788-1792) ngài chưa được mấy lúc rảnh tay lo việc nội trị.

Vả, triều Tây Sơn cầm quyền không được lâu nên dấu tích chính trị của triều đại ấy, dẫu ai thấy xa, nghe rộng đến đâu cũng không thể nhặt lượm tài liệu nào khác ngoài mấy quyển chính sử, ngoại truyện, dã sử của ta và ít trang ký tài của mấy nhà truyền giáo ngoại quốc hồi đó.

Dẫu sao mặc lòng, căn cứ vào các mảnh vụn lịch sử chúng ta ngày nay sinh sau hàng ngót hai trăm năm, cũng có thể nhận thấy trong vua Quang Trung có lắm sáng kiến và đặc sắc về chính trị cũng như về quân sự.

Khi đã chiến thắng Mãn Thanh bằng võ lực và ngoại giao, vua Quang Trung một mặt lo dẹp yên các phần tử phản động ở trong, một mặt dự bị khôi phục lấy đất Lương Quảng, lẽ tất nhiên ngài phải đặt việc võ bị lên trên hết mọi vấn đề khác.

Về quân hiệu, ngoài tên ngũ quân Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu như đã thấy tổ chức trong khi đánh giặc Thanh ra lại có những quân đặt tên là Tả bật, Hữu bật, Ngũ chế Kiên thành, Thiên cán, Thiên trướng, Thiên sách, Hồ bôn, Hồ hầu, Thị lân, Thị loan nữa.

Ở hàng huyện, về ngạch võ, có viên võ phân suất cầm đầu.

Binh chế thì chia ra từng Đạo, từng Cơ và từng Đội: Lấy Đạo thống Cơ, lấy Cơ thống Đội.

Vì bấy giờ đang mưu đồ công cuộc đánh Thanh nên trong nước phải dùng đến chính sách cưỡng bách tòng quân: từ khoảng 12, 13 đến 60 tuổi đều phải ra lính hết <sup>(1)</sup>.

Một nhà truyền giáo có chép rằng người Nam bấy giờ theo anh em Tây Sơn đi trận, trở nên gan dạ, hùng kiên, một người đương nổi mười người, đánh đâu thắng đấy <sup>(2)</sup>.

Năm Quang Trung nguyên niên (1788), Ngô Thì Nhậm có dâng sớ bằng chữ nho, điều trần việc nội trị đại ý nói:

“Xưa kia, nhà Chu đã thắng nhà Ân, phân phong các em, gây lấy cái thế như rết trăm chân, giúp đỡ lẫn nhau nên chur hầu không dám đoạt, nhà Chu hưởng nước 800 năm. Nhà Hán khi mới đại định, phong ngay đồng tinh, gây thành cái hình như hai hàm răng cùng cắn chặt lấy nhau nên thiên hạ họ phục là mạnh. Nhà Hán trị vì lâu đến 400 năm. Nay bệ hạ (chỉ vua Quang Trung) nếu biết làm theo như thế thì có thể sánh với Chu, Hán đấy”.

Vua Quang Trung nghe theo, bèn chia phong các con giữ các địa bàn:

- Con cả, Quang Toàn, làm thái tử.
- Con thứ hai, Quang Thùy, làm Khanh Công, lĩnh Bắc thành, tiết chế thủy bộ chur quân.
- Con thứ ba, Quang Bàn, làm Tuyên Công, lĩnh Thanh Hóa đốc trấn, tổng lý quân dân sự.

---

<sup>1</sup> Nouvelles lettres édifiantes, tập thứ sáu, trang XV-XVI.

<sup>2</sup> Theo Ứng Hòa Nguyễn Văn Tố, Tao Đàn số 1, ngày mồng 1 tháng 3 1939, trang 21.

Nhà vua lại sai các huân thần và danh tướng hiệp sức giúp việc cho các hoàng tử đã lĩnh những trọng trấn ấy.

Bộ máy hành chính gồm có những cơ quan này:

Tam Công, Tam Thiếu, Đại Chung tề, Đại Tư đồ, Đại Tư khấu, Đại Tư không, Đại Tư côi, Đại Tư lệ, Thái úy, Ngự úy, Đại Tổng quản, Đại Đồng lý, Đại Đô hộ, Đại Đô đốc, Nội hầu, Hộ giá, Điền kiểm, Chỉ đốc, Tham lĩnh, Trung Thư lệnh, Phụng chính, Thị trung đại học sĩ, Hiệp biện đại học sĩ, Thị trung ngự sử, Lục bộ thượng thư, Tả - Hữu đồng nghị, Tả - Hữu phụng nghị, Thị lang, Tư vụ, Hàn lâm v.v...

Mỗi trấn đặt một trấn thủ về hàng võ và một hiệp trấn về hàng văn. Mỗi huyện đặt một văn phân trị, một võ phân suất, một tả quản lý và một hữu quản lý. Công việc của quan văn là trung đốc binh lương, xét xử tù tụng. Phận sự của quan võ là cai quản và thao diễn quân lính từ Đạo đến Cơ, từ Cơ đến Đội.

Trong các xã, các thôn thì có xã trưởng, thôn trưởng. Hàng tổng thì đặt tổng trưởng, tức như chánh tổng đời sau, để giữ việc hành chính trong một tổng.

## **VIỆC XÃ HỘI**

Muốn cho tiện sự giao thông ở một đại điểm thích trung (kể theo đại thể nước ta bây giờ), vua Quang Trung đặt thêm một đô thành ở trấn Nghệ An gọi là Trung đô (sẽ có nói kỹ ở mục kiến trúc). Và muốn cho mới mẻ tai mắt thiên hạ, ngài đổi tên Thăng Long làm Bắc thành.

Từ đời Lê, Bắc Hà, chia làm 11 xứ (hoặc trấn)”

- 1- Xứ Nam (Sơn Nam)
- 2- Xứ Đông (Hải Dương)
- 3- Xứ Bắc (Kinh Bắc)
- 4- Xứ Đoài (Sơn Tây)
- 5- Xứ Yên Quảng (nay tỉnh Hải Ninh)
- 6- Xứ Lạng (Lạng Sơn)<sup>(1)</sup>
- 7- Xứ Thái (Thái Nguyên)
- 8- Xứ Tuyên (Tuyên Quang)
- 9- Xứ Hưng (Hưng Hóa)
- 10- Xứ Thanh (Thanh Hóa)
- 11- Xứ Nghệ (Nghệ An)

Đến triều Quang Trung, ngoài chín xứ đề yên như cũ có chia lại hai xứ Sơn Nam và Thanh Hóa (1788)<sup>(2)</sup>

Xứ Sơn Nam chia làm hai trấn; phía trên xứ ấy gọi là Nam thượng hoặc Thượng trấn; phía dưới giáp biển gọi là Nam Hạ hoặc Hạ trấn đóng ở vị

---

<sup>1</sup> Trong Nouvelles lettres édifiantes, tập thứ 6, trang XI-XII chép là Lạng bạc xứ.

<sup>2</sup> Theo bài “Ban bố Bắc thành các điều” chép trong *Dạ am văn tập*” (sách viết của trường Bác cổ, số A, 604), quyển 5, tờ 9b-10a, thì Bắc thành dưới triều Tây Sơn gồm có 6 nội trấn và 6 ngoại trấn. Sáu nội trấn là: Thanh hóa ngoại, Sơn nam thượng, Sơn Nam hạ, Kinh Bắc, Hải Dương và Phụng thiên. Sáu ngoại trấn là: Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên và Yên Quảng.

hoàng bên sông Nhị, cách dưới phố Hiến vài dặm: còn lỵ sở Thượng trấn thì đóng ở Châu Cầu (nay thuộc Hà Nam), cách phía dưới kinh đô độ hai mươi dặm, ở ngay bên đường cái quan ăn thông từ Bắc vào Nam Hà <sup>(1)</sup>.

Xứ Thanh Hóa cũng chia làm hai: về mặt Bắc gọi là Thanh Hóa ngoại; về mặt Nam gọi là Thanh Hóa nội <sup>(2)</sup>.

Mỗi xứ chia làm nhiều phủ, mỗi phủ chia làm nhiều huyện, mỗi huyện chia làm nhiều tổng và mỗi tổng chia làm nhiều xã. Tựu trung có nhiều xã lại chia ra từng thôn <sup>(3)</sup>.

Còn kinh đô mà xưa ta gọi là Kẻ chợ thì gồm có một phủ, hai huyện, mười tám phường <sup>(4)</sup>.

## **Kiến Trúc**

Từ khi còn làm Đại Nguyên Sứy tổng quốc chinh Bình Vương, Nguyễn Huệ đã để tâm đến việc lập tại Nghệ An một kinh đô mới. Vì Ngài cho rằng, đối với địa thế nước ta hồi ấy, Nghệ An ở vào khoảng giữa đất nước, đạo lộ thích trung và là chỗ đất rau rón của Tổ Tiên ngày trước.

Từ trước, Ngài đã truyền bảo La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp về Nghệ chọn đất dựng kinh đô cho kịp kỳ Ngài về ngự. Nhưng La Sơn phu tử chưa làm xong, nên ngài giá hội Phú Xuân, tạm cho sĩ tốt nghỉ sức.

---

<sup>1</sup> Nouvelles lettres édifiantes, tập thứ sáu, trang XV-XVI.

<sup>2, 3, 4</sup> Nouvelles lettres édifiantes, tập thứ sáu, trang XV-XVI.

Đến ngày mồng một tháng sáu năm Mậu Thân (1788), trước khi lên ngôi Hoàng Đế, ngài lại sai hảo chiếu giục Nguyễn Thiệp làm việc ấy. ý ngài muốn cắm đất làm tân đô ấy ở vào khoảng chỗ dân cư, phía sau Phù Thạch hành cung nhưng gần về mạn núi. Nếu không thế thì cho Nguyễn Thiệp được tùy tiện mà chọn định miễn là nội ba tháng phải làm xong <sup>(1)</sup>.

Sau khi nhận được tờ chiếu ấy, Nguyễn Thiệp thi xem đất, trấn thủ Thuận thì đứng đốc suất quản lĩnh các đạo đánh đá ong, thợ thuyền các hiệp xây cất doanh tác rồi chẳng bao lâu, dưới chân núi Kỳ Lân ở Nghệ An, đồ sộ nổi lên một khu nội thành, trong đó có lễ triều hạ. Thật xứng đáng với cái tên mới mẻ đẹp đẽ là Phượng Hoàng trung đô hoặc Trung kinh Phượng Hoàng thành.

Về việc dời đóng đô ở Nghệ An này, vua Quang Trung có sai Ngô Thì Nhậm viết một bức thư ngoại giao, gửi cho Lương Quảng tổng đốc Phúc Khang An bày tỏ duyên cớ. Đại ý nói:

*“Nước ta từ Lý, Trần về sau đều đóng đô ở Thăng Long cả. Gần đây vương khí ở đây đã tan hết rồi. Bây giờ bờ cõi nước ta, về phía Nam mở rộng hơn trước. Sự đóng kinh đô chỉ có Nghệ An là chỗ đất vừa vặn ở giữa nên chọn nơi núi Phượng Hoàng ở Nghệ đặt làm Trung đô rồi. Từ nay, phàm các công văn đi lại đường sá xa hơn Thăng Long gấp bội, vậy mong bên Thanh lượng thứ cái lỗi chậm trễ <sup>(2)</sup>”.*

## THUẾ KHÓA NÔNG CHÍNH

---

<sup>1</sup> Theo tờ chiếu của Bắc Bình Vương gửi cho Nguyễn Thiệp ngày mồng một tháng 6, năm Thái Đức thứ mười một (1788).

<sup>2</sup> Theo bức thư “Trình Phúc đại nhân” trong Bang giao hảo hoai Ngô Thì Nhậm.

Hồi còn nhà Lê, nhân dân phải đóng một thứ thuế xâu dịch gọi là “điều tiền”. Vì nhà Lê phỏng theo cái phép cổ dịch đời Đường (618-906) có đánh thứ thuế ấy. Rồi hễ có những việc xâu dịch công tác thì lấy tiền “điều” đã thu của dân mà thuê mộ người làm <sup>(1)</sup>.

Đến triều Quang Trung, nhà vua thấy quốc gia mới khai sáng, muốn rút bớt xâu thuế để nới nhẹ cho dân, bèn bãi bỏ pháp đánh thuế “điều tiền” đó <sup>(2)</sup>.

Từ năm Mậu Thân (1788), trong nước gặp lúc loạn ly, lại bị quân Thanh kéo sang chà xát giày đạp, gia dĩ luôn năm mất mùa, nhân dân, phần vì cơ cật, phần vì dịch lệ, chết đến 7,8 phần 10.

Trước tình hình ấy, nhà vua phải làm một việc quyền nghi: đánh thuế vào các tư điền để lấy gạo lúa.

Bấy giờ định ít, điền nhiều, ai còn sống sót lại thường phải đóng nặng thuế điền, vì thế nhiều nhà giàu đều phải bỏ ruộng không nhận.

Xem trong bài chiếu “khuyến nông” như có chép trong tập *Hàn các anh hoa* của Ngô Thì Nhậm, đủ thấy vua Quang Trung bấy giờ chú trọng vào hai việc:

1. Khuyến khích canh nông;
2. Chăm lo nhân dân sinh tụ đông đảo.

Từ khi binh lửa luôn năm, lại thêm vào đấy những nỗi đói kém, nhân dân siêu giai, đồng ruộng bỏ hoang, nên thực số đinh điền không bằng 4,5 phần mười thuở trước.

---

<sup>1</sup> *Cương mục* quyển 36, tờ 9a – 10b

<sup>2</sup> Theo bài “Ban bố Bắc thành các điều” trong *Dụ am văn tập* quyển V, tờ 9b - 10a.

Ngài bèn ra lệnh: “Phàm những dân nào trước đó kiêu ngạo tha phương, trốn tránh đao địch hoặc vì có thể hương mẫu quán mà đến ở hoặc vì đi buôn bán làm ăn mà ngụ cư, hễ đã vào làng ở sở tại được từ ba đời trở lên thì mới cho ở, còn ngoài ra bắt về bản quán hết thảy, chứ biệt xã không được chứa chấp. Những ruộng công, ruộng tư đã trót bỏ hoang, nay đầu cho về nhận lấy cày cấy, chứ không được bỏ bê trễ, để đến nỗi số ruộng thực khẩn phải chịu không thuế mãi”.

Các sắc mục, các xã trưởng và các thôn trưởng sở tại phải xét sổ đình thực tại có bao nhiêu suất, rồi xem sổ thực điền đã thực khẩn được bao nhiêu mẫu, còn số hoang điền mới khai khẩn được bao nhiêu mẫu, đều phải đăng vào sổ bộ, nộp lên các viên phân suất, phân tri ở huyện mình để họ chuyển đệ lên triều đình; triều đình sẽ phái quan khâm sai đi khám lại cho đúng sự thực, bấy giờ mới sẽ liệu định việc bổ thuế cho công bằng.

Nếu xã nào cứ chứa những người ngụ cư mà không bắt họ phải quay về nguyên quán, nếu những người trốn tránh ấy cứ lần lữa không chịu về và nếu ai thấy biết chuyện mà cáo tố ra thì những sắc mục, xã trưởng sở tại và những kẻ trốn tránh ấy sẽ đều phải trị tội cả.

Xã nào ruộng hoang đã đến hạn mà vẫn chưa nhận lấy khai khẩn thì cứ do viên sắc và hộ hạng xã ấy phải chịu trách nhiệm về việc đóng thuế ruộng công chiếu theo ngạch thuế điền cũ mà nộp gấp bội.

Ruộng tư một khi đã sáp nhập làm ruộng công thì thuế đóng cũng như ngạch thuế công điền.

Sở dĩ ban ra cái mạng lệnh ấy là vì nhà vua muốn hạng lưu dân quay về làng cũ, chăm việc canh nông tăng gia sản xuất ngô hầu nhà vua cùng trăm họ được hưởng cái vui đông đúc, giàu có thịnh vượng.

Sau hồi chiến tranh, sổ điền không được minh bạch hoặc ruộng bỏ hoang mà vẫn phải chịu thuế; hoặc ruộng xấu mà vẫn phải đóng thuế vào hạng thượng đẳng điền; hoặc kẻ cường hào hay tụi Thanh Kiêu, nhân dịp hỗn quân hỗn quan trong lúc Tôn Sĩ Nghị tiến đóng Thăng Long, bá chiếm của hạng dân lép vế. Thành thử, về việc hộ hay có lăm chuyện rắc rối về ruộng đất.

Để giải quyết vấn đề thổ địa rất phức tạp ấy, năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung hạ chiếu bảo trong nước làm lại sổ điền. Hai nhà văn thân là Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích đều tán thành việc này.

Ruộng tư cũng như ruộng công, chia làm ba hạng, hạng nào có thuế riêng hạng ấy:

#### *RUỘNG CÔNG:*

- Hạng nhất: mỗi mẫu nộp thóc thuế 150 bát <sup>(1)</sup>.
- Hạng nhì: mỗi mẫu nộp thóc thuế 80 bát.
- Hạng ba: mỗi mẫu nộp thóc thuế 50 bát.

Cả ba hạng, mỗi mẫu phải ra một tiền quý về thuế thập vật và 50 đồng kẽm về thuế khoán kho.

#### *RUỘNG TƯ:*

- Hạng nhất: mỗi mẫu nộp thóc thuế 40 bát
- Hạng nhì: mỗi mẫu nộp thóc thuế 30 bát
- Hạng ba: mỗi mẫu nộp thóc thuế 20 bát

---

<sup>1</sup> Một bát độ nửa lít

Cả ba hạng đều phải ra mỗi mẫu là 30 đồng kẽm về tiền khoán kho. Còn tiền thập vật cũng như lệ ruộng công kể trên.

Ngoài thuế ruộng ra, triều Quang Trung, theo lệ cũ, cũng đánh những thứ thuế như *dung tiền*<sup>(1)</sup>, cươc mẽ v.v...

Vụ mùa tháng 10, năm Quang Trung thứ tư (1791), thóc lúa các nơi đều được phong đăng cả. Năm phần mười trong nước đã khôi phục được cảnh thái bình thuở xưa.

Sở dĩ xã hội bấy giờ chóng đi đến bước thịnh vượng là nhờ ở cách tổ chức lương thiện và chính sự hậu sinh (dân hậu với nhân sinh): hễ năm nào gặp nạn đại hạn hay hồng thủy lại ra ơn đại xá; hễ kẻ nào phạm tội nhẹ hoặc phu khiếm mà trốn đi thì đều được bỏ qua, không xét hỏi nữa<sup>(2)</sup>.

## VIỆC HỌC, VIỆC THI

Theo như lời trong “Lập học chiếu”<sup>(3)</sup> thì sau khi địa định, vua Quang Trung cũng rất tỏ ý sùng đạo Nho, lưu tâm yêu kẻ sĩ, mong được những tay có thực tài ra giúp việc.

Tại các dân xã đều cho lập nhà xã học: chọn trong đám nho sĩ hàng xã lấy người có học, có hạnh, đặt làm xã giảng dụ để dạy những học trò trong hàng xã mình.

---

<sup>1</sup> Thẻ dung tức là thuế thân, do chúa Trịnh đặt từ năm Quý Mão niên hiệu Bảo Thái thứ tư (1723): hằng năm mỗi suất đinh phải đóng 1 quan 2 tiền.

<sup>2</sup> Theo *Lê ký* (dã sử)

<sup>3</sup> Bài chiếu này chép trong tập *Hàn các anh hoa* của Ngô Thì Nhậm

Các đèn từ ở các phủ vẫn để cho dân bản hạt nhân giữ nhưng dùng chung làm trường học hàng phủ. Triều đình sẽ bổ một viên phủ huấn đạo đến dạy tại đó.

Gặp khoa thi hương thì dựa lấy những hương tử tài: hạng ưu được thăng vào quốc học: hạng thứ cho vào phủ học.

Đối với các ông công triều Lê, phàm những người tại quán chưa nhậm chức gì, nhà vua cũng muốn dùng cả. Ngài có ban chiếu bảo họ đến cửa khuyết đình để lựa bổ sung những chức như huấn đạo, tri huyện. Còn các cựu nho sinh và các cựu sinh đồ đều phải đợi có khoa thí thì thi: hạng ưu được đỗ; hạng liệt phải bãi về xã học.

Đến hạng sinh đồ mua bằng ba quan <sup>(1)</sup> ở triều Lê trước thì đều bị loại về hạng “dân” hết thầy, cũng phải chịu dao dịch như dân thường.

Ngoài những việc dùng chữ Nho, sùng Đạo Nho. trọng kẻ sĩ ấy ra, vua Quang Trung còn trọng dụng cả tiếng mẹ đẻ nữa.

Hết **PHẦN MƯỜI HAI** , Xin Trở Lại: <http://minhtrietviet.net/muc-luc/>

---

<sup>1</sup> “Tam quán sinh đồ”